TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1199/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 07 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1028/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/9/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Châu Mỹ H, sinh năm 1972; Địa chỉ thường trú: Đường Đ, phường M, quận T, Thành phố H;

2. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự ngày 30 tháng 10 năm 2019, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thanh T và bà Châu Mỹ H yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, Quyển số 1/98, ngày 08/01/1998 tại Uỷ ban nhân dân Phường H, Quận B, Thành phố H. Sau khi có con chung tên Trương Châu Gia B, sinh ngày 06/11/2000, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 01 năm, và đến nay vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Châu Gia B sinh ngày 06/11/2000 đã trưởng thành;

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà án không xem xét;

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông T và bà H mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng

bà H tự nguyện chịu toàn bộ và được ông T đồng ý, nên Toà án ghi nhận thoả thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Toà án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trương Thanh T và bà Châu Mỹ H thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, Quyển số 1/98, ngày 08/01/1998 tại Uỷ ban nhân dân Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trương Châu Gia B, sinh ngày 06/11/2000, đã trưởng thành;

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà H tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012302, ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung